



# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ International Auditing Company Limited

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÔNG ĐÀ YALY  
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023



Thành viên hãng AGN International  
Kiểm toán | Thuế | Tư vấn

A member firm of AGN International  
Audit | Tax | Advisory





**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 32

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Bà Phạm Thị Thu Hà	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 20/04/2023)
Bà Trần Thị Len	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 20/04/2023)
Ông Bùi Xuân Hải	Thành viên
Bà Võ Thị Hà Giang	Thành viên

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Bùi Xuân Hải	Tổng Giám đốc
------------------	---------------

#### **Ban Kiểm soát**

Bà Trần Thị Len	Trưởng ban kiểm soát (miễn nhiệm ngày 20/04/2023)
Bà Đặng Thị Đoàn Trang	Trưởng ban kiểm soát (bổ nhiệm ngày 20/04/2023)
Ông Nguyễn Lê Trung Phi	Thành viên
Bà Mai Ngọc Liên	Thành viên

#### **Người đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Bùi Xuân Hải - Tổng Giám đốc.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Bùi Xuân Hải**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 28 tháng 03 năm 2024

Số: 032803/2024/BCKT-iCPA

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 03 năm 2024, từ trang 6 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### **Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty đã chi vượt Quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền 1.844.308.179 đồng từ các năm trước. Nếu Công ty hạch toán các khoản đã chi này vào kết quả kinh doanh của các năm trước thì chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán sẽ giảm đi số tiền tương ứng.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)

Tại thời điểm lập báo cáo kiểm toán, chúng tôi chưa nhận được biên bản đối chiếu cho các khoản công nợ phải thu khách hàng, trả trước người bán, phải trả người bán, phải thu ngắn hạn khác của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 với số tiền lần lượt là 38.447.077.322 đồng, 302.942.145 đồng, 5.224.216.418 đồng, 2.109.341.558 đồng. Các thủ tục kiểm toán thay thế của chúng tôi cũng không cung cấp đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp, do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hiện hữu và đầy đủ của các khoản mục công nợ nêu trên.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty chưa thực hiện đánh giá và trích lập dự phòng công nợ phải thu khó đòi cho những khoản công nợ phải thu quá hạn thanh toán với số tiền 28.298.423.831 đồng. Nếu Công ty thực hiện trích lập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi vào các năm trước thì trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" sẽ giảm đi 28.298.423.831 đồng và chỉ tiêu "Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi" sẽ tăng lên số tiền tương ứng.

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số II phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền 20.454.827.285 đồng và khoản phải trả quá hạn của Công ty là 5.224.216.418 đồng. Trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty, lỗ lũy kế tính đến thời điểm 31/12/2023 là 72.506.512.911 đồng, vốn chủ sở hữu của Công ty đang âm 13.192.067.868 đồng, thù lao HĐQT Công ty chưa thực hiện chi trả đến ngày 31/12/2023 là 1.098.250.000 đồng. Trong tổng tài sản ngắn hạn của Công ty có 44.919.280.864 đồng là nợ xấu. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của các yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Theo đó, khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào việc tăng cường công tác thu hồi công nợ trong tương lai, sự hỗ trợ tài chính từ các cổ đông và sự cơ cấu lại nợ của các đối tác cho vay để đảm bảo cho Công ty có đủ nguồn lực tiếp tục hoạt động bình thường trong các năm tiếp theo.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên.



**Trần Thiện Thanh**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 1932-2023-072-1

Thay mặt và đại diện cho

**Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (iCPA)**

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024

**Đặng Thị Phương Thảo**  
**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 5169-2020-072-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>46.391.848.567</b>	<b>47.942.486.710</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>5.161.777.129</b>	<b>3.538.538.618</b>
1. Tiền	111	V.1	5.161.777.129	3.538.538.618
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.5</b>	<b>540.000.000</b>	<b>370.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		1.000.000.000	1.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(460.000.000)	(630.000.000)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>35.440.175.979</b>	<b>38.612.130.265</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	49.265.310.125	52.462.402.764
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		434.612.145	437.942.145
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3a	2.334.110.742	2.683.552.979
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(16.593.857.033)	(16.971.767.623)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.6</b>	<b>4.890.500.957</b>	<b>5.046.339.012</b>
1. Hàng tồn kho	141		4.906.066.074	5.061.904.129
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(15.565.117)	(15.565.117)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>359.394.502</b>	<b>375.478.815</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.4a	93.303.367	283.935.467
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		111.086.506	2.678.091
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.8a	155.004.629	88.865.257
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>7.300.161.690</b>	<b>8.441.437.381</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>195.325.427</b>	<b>195.325.427</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.3b	195.325.427	195.325.427
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>3.655.343.712</b>	<b>4.223.360.544</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	3.655.343.712	4.223.360.544
- Nguyên giá	222		77.834.214.877	77.640.990.332
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(74.178.871.165)	(73.417.629.788)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>617.975.556</b>	<b>659.842.443</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		617.975.556	659.842.443
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.831.516.995</b>	<b>3.362.908.967</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.4b	1.128.697.671	872.485.595
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		1.702.819.324	2.490.423.372
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>53.692.010.257</b>	<b>56.383.924.091</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>66.884.078.125</b>	<b>66.438.933.396</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>66.846.675.852</b>	<b>66.371.531.123</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	11.439.400.784	10.988.702.349
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		24.450.000	24.450.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.8b	368.007.807	363.925.172
4. Phải trả người lao động	314		538.917.835	571.523.545
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.11	14.519.842.910	11.712.574.295
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12a	1.364.364.695	1.454.663.941
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13	40.436.000.000	43.100.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(1.844.308.179)	(1.844.308.179)
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>37.402.273</b>	<b>67.402.273</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.12b	37.402.273	67.402.273
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>(13.192.067.868)</b>	<b>(10.055.009.305)</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.14</b>	<b>(13.192.067.868)</b>	<b>(10.055.009.305)</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		45.000.000.000	45.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(7.320.000)	(7.320.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		14.321.765.043	14.321.765.043
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(72.506.512.911)	(69.369.454.348)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(69.369.454.348)	(66.851.725.405)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(3.137.058.563)	(2.517.728.943)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>53.692.010.257</b>	<b>56.383.924.091</b>

Mai Ngọc Liên  
Người lập biểu

Mai Trung Kiên  
Kế toán trưởng



Bùi Xuân Hải  
Tổng Giám đốc  
Ngày 28 tháng 03 năm 2024

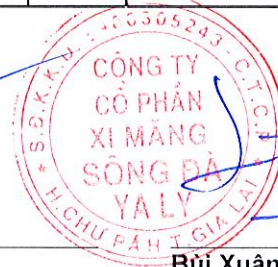
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		39.127.263.193	53.016.934.719
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	39.127.263.193	53.016.934.719
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	31.280.041.066	43.264.464.765
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		7.847.222.127	9.752.469.954
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	9.327.646	21.526.819
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	3.637.268.615	4.489.819.864
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.807.268.615	3.999.819.864
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	1.257.536.567	1.531.814.894
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	4.239.959.823	4.892.097.698
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(1.278.215.232)	(1.139.735.683)
11. Thu nhập khác	31	VI.7	5.184.209	31.909.169
12. Chi phí khác	32	VI.8	693.021.919	563.585.940
13. Lợi nhuận khác	40		(687.837.710)	(531.676.771)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(1.966.052.942)	(1.671.412.454)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	383.401.573	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		787.604.048	846.316.489
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(3.137.058.563)	(2.517.728.943)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	(697)	(559)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	(697)	(559)

Mai Ngọc Liên  
Người lập biểu

Mai Trung Kiên  
Kế toán trưởng



Bùi Xuân Hải  
Tổng Giám đốc  
Ngày 28 tháng 03 năm 2024



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(1.966.052.942)	(1.671.412.454)
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	761.241.377	640.190.283
Các khoản dự phòng	03	(547.910.590)	490.000.000
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(3.842.710)	-
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(5.484.936)	(8.313.294)
Chi phí lãi vay	06	3.807.268.615	3.999.819.864
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>2.045.218.814</b>	<b>3.450.284.399</b>
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	3.379.159.799	(347.138.975)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	155.838.055	1.477.692.938
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	343.743.001	(284.437.860)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(65.579.976)	1.081.038.407
Tiền lãi vay đã trả	14	(1.000.000.000)	(1.970.000.000)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(383.401.573)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>4.474.978.120</b>	<b>3.407.438.909</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(193.224.545)	(994.592.727)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	9.090.909
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	1.100.325.179
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.484.936	6.372.385
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(187.739.609)</b>	<b>121.195.746</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	(2.664.000.000)	(2.600.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(2.664.000.000)</b>	<b>(2.600.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>1.623.238.511</b>	<b>928.634.655</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>3.538.538.618</b>	<b>2.609.903.963</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>5.161.777.129</b>	<b>3.538.538.618</b>



Mai Ngọc Liên  
Người lập biểu



Mai Trung Kiên  
Kế toán trưởng



Bùi Xuân Hải  
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 03 năm 2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Xi măng Sông Đà thuộc Tổng Công ty Sông Đà theo Quyết định số 936/QĐ-BXD ngày 03 tháng 07 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3903000019 ngày 22 tháng 7 năm 2003 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 11 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 04 tháng 07 năm 2017 với mã số doanh nghiệp là 5900305243. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 11, vốn điều lệ của Công ty là 45.000.000.000 đồng, tương ứng với số cổ phần là 4.500.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

Theo Quyết định số 313/QĐ-SGDHN ngày 04 tháng 05 năm 2017, Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly với mã chứng khoán SDY hủy niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 04 tháng 05 năm 2017.

Theo Quyết định số 395/QĐ-SGDHN ngày 02 tháng 06 năm 2017, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã chấp thuận cổ phiếu phổ thông của Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly (mã chứng khoán SDY) được giao dịch tại sàn giao dịch chứng khoán UPCOM từ ngày 02 tháng 06 năm 2017.

**2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm là:

- Gia công xi măng;
- Vận chuyển clinker;

**3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng

**4. Cấu trúc doanh nghiệp**

Hiện nay Công ty có một (01) đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc là Xi nghiệp khai thác đá và một (01) Công ty con. Thông tin về Công ty con cụ thể như sau:

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty TNHH Một thành viên Xi măng ELECEM	Huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai	100%	100%	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)**

**5. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán.

**6. Nhân viên**

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ và Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 58 người, tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 68 người.

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Giả định hoạt động liên tục**

Tại ngày 31/12/2023, lỗ lũy kế của Công ty là 72.506.512.911 đồng, vốn chủ sở hữu của Công ty đang âm 13.192.067.868 đồng, nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền 20.454.827.285 đồng và khoản phải trả quá hạn của Công ty là 5.224.216.418 đồng. Thù lao HĐQT Công ty chưa thực hiện chi trả đến ngày 31/12/2023 là 1.098.250.000 đồng. Trong tổng tài sản ngắn hạn của Công ty có 44.919.280.864 đồng là nợ xấu.

Ban Tổng Giám đốc đã và đang thường xuyên đánh giá ảnh hưởng và quyết liệt triển khai các kế hoạch để Công ty có thể duy trì tối đa khả năng hoạt động liên tục. Các giải pháp đã và đang thực hiện bao gồm:

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đã xây dựng các kế hoạch để tăng cường khả năng thu hồi công nợ, tăng cường tìm kiếm sự hỗ trợ tài chính từ các cổ đông. Đồng thời, Ban Tổng Giám đốc của Công ty đã làm việc với các nhà cung cấp và các đối tác cho vay để cơ cấu lại các khoản nợ đến hạn. Với các khoản đi vay, các đối tác cho vay đã tạo điều kiện gia hạn nợ cho Công ty hàng năm.

Bên cạnh đó, Công ty Cổ phần Xi măng Sông Gianh đã ký phụ lục hợp đồng số 06 ngày 15/12/2023 với Công ty cam kết sản lượng gia công xi măng trong 05 năm tới đạt tối thiểu 100.000 tấn. Nếu không đạt, Công ty Cổ phần Xi măng Sông Gianh sẽ có chính sách bù giá cho Công ty.

Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá một cách thận trọng kế hoạch kinh doanh và kế hoạch dòng tiền, cũng như khả năng cân đối nguồn tiền để thanh toán các khoản công nợ và nghĩa vụ tài chính đến hạn. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN TOÁN ÁP DỤNG**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (Tiếp theo)**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tổng Công ty/Doanh nghiệp có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá (trừ công ty nhà nước thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật) (chỉ để cập nhật với công ty nhà nước).

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Đối với các chứng khoán hiện giao dịch trên sàn upcom, thuộc quản lý của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được tính theo giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính năm.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

	<u>Năm</u>
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Máy móc thiết bị	03 - 15
Thiết bị công cụ dụng cụ quản lý	05
Nhà cửa vật kiến trúc	04 - 15

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và các chi phí được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

**Ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Ngoại tệ (Tiếp theo)**

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không qui định tỷ giá thanh toán:
  - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
  - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
  - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
  - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan. Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

**1. TIỀN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	90.504.578	72.569.033
Tiền gửi ngân hàng	5.071.272.551	3.465.969.585
<b>Cộng</b>	<b>5.161.777.129</b>	<b>3.538.538.618</b>

**2. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	14.835.645.908	16.752.539.500
- Chi nhánh 307	14.775.996.860	14.775.996.860
- Văn phòng Công ty	59.649.048	1.976.542.640
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	2.571.916.274	2.571.916.274
- Chi nhánh 603	1.886.039.137	1.886.039.137
- Văn phòng Công ty	685.877.137	685.877.137
Ban điều hành thủy điện Xekaman 3	10.152.103.031	10.152.103.031
Xí nghiệp Sông Đà 11.5 Thăng Long	4.092.212.947	4.092.212.947
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Gianh	4.123.615.241	4.218.302.048
Chi nhánh Công ty TNHH SCG International Việt Nam tại Đà Nẵng	2.551.890.323	3.915.245.273
Các khoản phải thu khách hàng khác	10.937.926.401	10.760.083.691
<b>Cộng</b>	<b>49.265.310.125</b>	<b>52.462.402.764</b>

**3. PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Tạm ứng	10.582.567	290.016.906
Phải thu khác	2.145.528.175	2.215.536.073
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	178.000.000	178.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.334.110.742</b>	<b>2.683.552.979</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Ký quỹ, ký cược dài hạn	195.325.427	195.325.427
<b>Cộng</b>	<b>195.325.427</b>	<b>195.325.427</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<u>Số cuối năm</u> <u>VND</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>VND</u>
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	59.507.085	148.384.209
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.300.000	45.475.063
- Các khoản khác	32.496.282	90.076.195
<b>Cộng</b>	<u><u>93.303.367</u></u>	<u><u>283.935.467</u></u>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	752.999.871	455.843.443
- Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	280.725.561	389.621.682
- Các khoản khác	94.972.239	27.020.470
<b>Cộng</b>	<u><u>1.128.697.671</u></u>	<u><u>872.485.595</u></u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm			
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Cổ phiếu SD3 (100.000 CP)	1.000.000.000	540.000.000	(460.000.000)	1.000.000.000	370.000.000	(630.000.000)
<b>Cộng</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>540.000.000</b>	<b>(460.000.000)</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>370.000.000</b>	<b>(630.000.000)</b>

Giá trị hợp lý của các khoản chứng khoán kinh doanh được đánh giá lại theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá giao dịch trên thị trường. Đối với các chứng khoán hiện giao dịch trên sàn upcom, thuộc quản lý của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được tính theo giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính năm.

**6. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	4.201.018.499	(15.565.117)	4.308.996.005	(15.565.117)
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	390.440.191	-	390.440.191	-
Thành phẩm	313.635.162	-	362.467.933	-
Hàng hoá	972.222	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>4.906.066.074</b>	<b>(15.565.117)</b>	<b>5.061.904.129</b>	<b>(15.565.117)</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**7. NỢ XẤU**

	Số cuối năm		Số đầu năm		Dự phòng	Dự phòng
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>42.506.997.161</b>	<b>27.711.962.919</b>	<b>(14.795.034.242)</b>	<b>28.879.353.212</b>	<b>(15.172.944.832)</b>	
- Chi nhánh Sông Đà 3.07 - Công ty Cổ phần Sông Đà 3	14.775.996.860	14.775.996.860	-	14.775.996.860	-	
- Ban điều hành dự án Thủy điện Xekaman 3	10.152.103.031	-	(10.152.103.031)	-	(10.152.103.031)	
- Xi nghiệp Sông Đà 11-5 Thăng Long	4.092.212.947	4.092.212.947	-	4.092.212.947	-	
- Công ty TNHH MTV Sông Đà 17	1.680.971.155	1.680.971.155	-	1.680.971.155	-	
- Công ty Cổ phần Sông Đà 6	685.877.137	68.325.023	(617.552.114)	68.325.023	(617.552.114)	
- Các đối tượng khác	11.119.836.031	7.094.456.934	(4.025.379.097)	8.261.847.227	(4.403.289.687)	
<b>Trả trước cho người bán</b>	<b>302.942.145</b>	<b>202.942.145</b>	<b>(100.000.000)</b>	<b>202.942.145</b>	<b>(100.000.000)</b>	
- Công ty Cổ phần Tư vấn và Hoạt động Khoáng sản Geminco	280.000.000	180.000.000	(100.000.000)	180.000.000	(100.000.000)	
- Các đối tượng khác	22.942.145	22.942.145	-	22.942.145	-	
<b>Phải thu khác</b>	<b>2.109.341.558</b>	<b>410.518.767</b>	<b>(1.698.822.791)</b>	<b>410.518.767</b>	<b>(1.698.822.791)</b>	
- Ông Vũ Văn Bàu	516.993.815	-	(516.993.815)	-	(516.993.815)	
- Ông Nguyễn Xuân Toàn	109.601.873	-	(109.601.873)	-	(109.601.873)	
- Các đối tượng khác	1.482.745.870	410.518.767	(1.072.227.103)	410.518.767	(1.072.227.103)	
<b>Cộng</b>	<b>44.919.280.864</b>	<b>28.325.423.831</b>	<b>(16.593.857.033)</b>	<b>29.492.814.124</b>	<b>(16.971.767.623)</b>	

LƯU G. (2), K. (2), G. (2), T. (2)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**8. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/ PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp, bù trừ trong năm		Số cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Các khoản phải thu</b>								
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.985.041	-	-	-	-	-	5.985.041	
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	81.825.200	290.077.936	290.077.936	356.217.308	356.217.308	147.964.572		
Phí, lệ phí và các khoản khác	1.055.016	325.687.307	325.687.307	325.687.307	325.687.307	1.055.016		
<b>Cộng</b>	<b>88.865.257</b>	<b>615.765.243</b>	<b>615.765.243</b>	<b>681.904.615</b>	<b>681.904.615</b>	<b>155.004.629</b>		
<b>b) Các khoản phải nộp</b>								
Thuế giá trị gia tăng	215.894.708	5.831.185.299	5.831.185.299	5.715.440.721	5.715.440.721	331.639.286		
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	383.401.573	383.401.573	383.401.573	383.401.573	-		
Thuế thu nhập cá nhân	59.251.721	116.123.248	116.123.248	139.006.448	139.006.448	36.368.521		
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	88.778.743	-	-	88.778.743	88.778.743	-		
Thuế môn bài	-	7.000.000	7.000.000	7.000.000	7.000.000	-		
<b>Cộng</b>	<b>363.925.172</b>	<b>6.337.710.120</b>	<b>6.337.710.120</b>	<b>6.333.627.485</b>	<b>6.333.627.485</b>	<b>368.007.807</b>		

**9. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÀN HẠN**

	Số cuối năm		Số có khả năng trả nợ		Số đầu năm		Số có khả năng trả nợ	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH Chế biến và Kinh doanh than Xuân Phú	4.954.072.946	4.954.072.946	4.512.226.140	4.512.226.140	4.512.226.140	4.512.226.140	4.512.226.140	
Doanh nghiệp tư nhân Minh Tuấn	927.832.000	927.832.000	927.832.000	927.832.000	927.832.000	927.832.000	927.832.000	
Các đối tượng khác	5.557.495.838	5.557.495.838	5.548.644.209	5.548.644.209	5.548.644.209	5.548.644.209	5.548.644.209	
<b>Cộng</b>	<b>11.439.400.784</b>	<b>11.439.400.784</b>	<b>10.988.702.349</b>	<b>10.988.702.349</b>	<b>10.988.702.349</b>	<b>10.988.702.349</b>	<b>10.988.702.349</b>	

10/12/2014 10:11:11 AM



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**9. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có các khoản phải trả quá hạn chưa thanh toán với số tiền 5.224.216.418 đồng.

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư đầu năm	5.172.299.488	70.854.616.570	1.356.470.909	257.603.365	77.640.990.332
Mua trong năm	-	193.224.545	-	-	193.224.545
Số dư cuối năm	5.172.299.488	71.047.841.115	1.356.470.909	257.603.365	77.834.214.877
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư đầu năm	3.264.429.299	69.765.731.460	278.650.018	108.819.011	73.417.629.788
Khấu hao trong năm	249.254.720	311.561.229	159.036.912	41.388.516	761.241.377
Số dư cuối năm	3.513.684.019	70.077.292.689	437.686.930	150.207.527	74.178.871.165
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày đầu năm	1.907.870.189	1.088.885.110	1.077.820.891	148.784.354	4.223.360.544
Tại ngày cuối năm	1.658.615.469	970.548.426	918.783.979	107.395.838	3.655.343.712

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 68.699.806.306 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 68.699.806.306 đồng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**11. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Lãi vay phải trả	14.085.699.427	11.278.430.812
Trích trước chi phí mua phụ gia	401.854.636	401.854.636
Các khoản chi phí phải trả khác	32.288.847	32.288.847
<b>Cộng</b>	<b>14.519.842.910</b>	<b>11.712.574.295</b>
<b>Trong đó: Phải trả là các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số VII.2 - Bên liên quan)</b>	<b>14.085.699.427</b>	<b>11.278.430.812</b>

**12. PHẢI TRẢ KHÁC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Các khoản phải trả về thù lao HĐQT, Ban kiểm soát	1.098.250.000	1.224.500.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	30.000.000	-
Phải trả khác	236.114.695	230.163.941
<b>Cộng</b>	<b>1.364.364.695</b>	<b>1.454.663.941</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	37.402.273	67.402.273
<b>Cộng</b>	<b>37.402.273</b>	<b>67.402.273</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**13. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Bà Trần Thị Kim Thoa (i)	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	38.136.000.000	38.136.000.000	-	1.964.000.000	40.100.000.000	40.100.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Icapital (ii)		2.300.000.000	-	700.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>40.436.000.000</b>	<b>40.436.000.000</b>	<b>-</b>	<b>2.664.000.000</b>	<b>43.100.000.000</b>	<b>43.100.000.000</b>
<b>Trong đó: vay và nợ thuế tài chính là các bên liên quan (chi tiết thuyết minh VII.2)</b>	<b>40.436.000.000</b>	<b>40.436.000.000</b>			<b>43.100.000.000</b>	<b>43.100.000.000</b>

(i) Khoản vay cá nhân của bà Trần Thị Kim Thoa theo các hợp đồng vay vốn cụ thể. Mục đích khoản vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Thời hạn các khoản vay là 12 tháng kể từ ngày nhận được khoản vay. Theo các phụ lục hợp đồng được ký kết trong năm 2023, khoản vay được gia hạn hoàn trả đến năm 2024. Lãi suất vay vốn hiện tại là 9%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

(ii) Khoản vay với Công ty Cổ phần Đầu tư Icapital (trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện) theo hợp đồng vay vốn số 1412/PTIC-SDY ngày 14 tháng 12 năm 2017 và các phụ lục kèm theo với số tiền vay là 3.000.000.000 đồng. Mục đích vay vốn nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất 11%/năm (từ ngày 22/08/2019 là 9%/năm). Thời hạn vay 24 tháng kể từ ngày Công ty nhận được khoản vay theo từng đợt. Tiền gốc và lãi được hoàn trả vào ngày kết thúc thời hạn vay hoặc một ngày khác sớm hơn nếu hai bên có thỏa thuận khác. Phụ lục hợp đồng năm 2023 gia hạn thời gian vay nợ đến 14/12/2024.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**14. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Cộng
	VND	%	VND	%	VND	%	VND	%	
Số dư đầu năm trước	45.000.000.000	-	(7.320.000)	-	14.321.765.043	-	(66.851.725.405)	-	(7.537.280.362)
Lỗi trong năm	-	-	-	-	-	-	(2.517.728.943)	-	(2.517.728.943)
Số dư đầu năm nay	45.000.000.000	-	(7.320.000)	-	14.321.765.043	-	(69.369.454.348)	-	(10.055.009.305)
Lỗi trong năm	-	-	-	-	-	-	(3.137.058.563)	-	(3.137.058.563)
Số dư cuối năm nay	45.000.000.000	-	(7.320.000)	-	14.321.765.043	-	(72.506.512.911)	-	(13.192.067.868)

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 11 ngày 05/07/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp, vốn điều lệ của Công ty là 45.000.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, vốn điều lệ đã được bổ sung góp đủ như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Ông Trần Anh Minh	10.000.000.000	22,22%	10.000.000.000	22,22%
Bà Trịnh Thị Thúy	10.000.000.000	22,22%	10.000.000.000	22,22%
Ông Trần Hạnh Nguyên	8.055.000.000	17,90%	8.055.000.000	17,90%
Ông Trần Quang Huy	4.071.000.000	9,05%	4.071.000.000	9,05%
Bà Trần Thị Kim Thoa	2.950.000.000	6,56%	2.950.000.000	6,56%
Các cổ đông khác	9.924.000.000	22,05%	9.924.000.000	22,05%
<b>Cộng</b>	<b>45.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>45.000.000.000</b>	<b>100%</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)**

**c) Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u> <u>Cổ phiếu</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>Cổ phiếu</u>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>4.500.000</b>	<b>4.500.000</b>
- Cổ phiếu phổ thông	4.500.000	4.500.000
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>4.500.000</b>	<b>4.500.000</b>
- Cổ phiếu phổ thông	4.500.000	4.500.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

**15. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

**a. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 3 bộ phận hoạt động: Bộ phận gia công xi măng, Bộ phận cung cấp dịch vụ và Bộ phận khác. Công ty lập báo cáo bộ phận theo ba bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của ba bộ phận kinh doanh trên như sau:

Bộ phận gia công xi măng	- Thực hiện gia công xi măng cho Xi măng Sông Gianh
Bộ phận cung cấp dịch vụ	- Vận chuyển clinker.
Bộ phận khác	- Cho thuê tài sản,...

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023:**

	<u>Gia công</u> <u>xi măng</u> <u>VND</u>	<u>Hoạt động cung</u> <u>cấp dịch vụ</u> <u>VND</u>	<u>Hoạt động</u> <u>khác</u> <u>VND</u>	<u>Tổng cộng</u> <u>VND</u>
<b>Tài sản</b>				
Tài sản bộ phận	13.632.690.757	2.551.890.323	390.440.191	16.575.021.271
Tài sản không phân bổ				37.116.988.986
<b>Tổng tài sản hợp nhất</b>				<b><u>53.692.010.257</u></b>
<b>Nợ phải trả</b>				
Nợ phải trả bộ phận	1.261.111.420	4.954.072.946	-	6.215.184.366
Nợ phải trả không phân bổ				60.668.893.759
<b>Tổng nợ phải trả hợp nhất</b>				<b><u>66.884.078.125</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**16. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (TIẾP THEO)**

Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023:

	Gia công xi măng VND	Hoạt động cung cấp dịch vụ VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng VND
<b>Doanh thu</b>				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	24.854.936.450	14.199.907.677	72.419.066	<b>39.127.263.193</b>
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>24.854.936.450</b>	<b>14.199.907.677</b>	<b>72.419.066</b>	<b>39.127.263.193</b>
<b>Chi phí kinh doanh</b>				
- Giá vốn hàng bán	17.232.241.625	14.046.289.467	1.509.974	<b>31.280.041.066</b>
- Chi phí bán hàng	1.257.536.567	-	-	<b>1.257.536.567</b>
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận</b>	<b>18.489.778.192</b>	<b>14.046.289.467</b>	<b>1.509.974</b>	<b>32.537.577.633</b>
Chi phí không phân bổ				4.239.959.823
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>				<b>2.349.725.737</b>
Doanh thu hoạt động tài chính				9.327.646
Chi phí tài chính				3.637.268.615
Lợi nhuận (lỗ) khác				(687.837.710)
<b>Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp</b>				<b>(1.966.052.942)</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				383.401.573
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				787.604.048
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>				<b>(3.137.058.563)</b>

**b. Bộ phận theo khu vực địa lý**

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Công ty có trụ sở đặt tại xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai. Toàn bộ hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty đều phát sinh tại Việt Nam. Do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28- Báo cáo bộ phận.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

**1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu gia công xi măng	24.854.936.450	33.109.428.440
Doanh thu vận chuyển	14.199.907.677	19.803.869.916
Doanh thu khác	72.419.066	103.636.363
<b>Cộng</b>	<b>39.127.263.193</b>	<b>53.016.934.719</b>

**2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn gia công xi măng	17.232.241.625	23.626.531.755
Giá vốn vận chuyển	14.046.289.467	19.599.710.406
Giá vốn khác	1.509.974	38.222.604
<b>Cộng</b>	<b>31.280.041.066</b>	<b>43.264.464.765</b>

**3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	5.484.936	6.372.385
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	3.842.710	15.154.434
<b>Cộng</b>	<b>9.327.646</b>	<b>21.526.819</b>

**4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	3.807.268.615	3.999.819.864
Trích lập (hoàn nhập) dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(170.000.000)	490.000.000
<b>Cộng</b>	<b>3.637.268.615</b>	<b>4.489.819.864</b>

**5. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên bán hàng	1.257.536.567	1.531.814.894
<b>Cộng</b>	<b>1.257.536.567</b>	<b>1.531.814.894</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**6. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.299.831.141	2.471.199.914
Chi phí vật liệu quản lý, công cụ dụng cụ	548.068.209	484.141.444
Chi phí khấu hao TSCĐ	305.012.935	86.038.187
Thuế, phí và lệ phí	333.927.620	631.020.098
Chi phí dịch vụ mua ngoài	634.895.782	428.543.040
Chi phí bằng tiền khác	496.134.726	791.155.015
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(377.910.590)	-
<b>Cộng</b>	<b>4.239.959.823</b>	<b>4.892.097.698</b>

**7. THU NHẬP KHÁC**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Xử lý chênh lệch kiểm kê	-	24.482.438
Các khoản khác	5.184.209	7.426.731
<b>Cộng</b>	<b>5.184.209</b>	<b>31.909.169</b>

**8. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản phạt chậm nộp, truy thu thuế	361.797.816	165.138.797
Khấu hao TSCĐ không phục vụ cho hoạt động kinh doanh	282.847.103	338.682.941
Các khoản khác	48.377.000	59.764.202
<b>Cộng</b>	<b>693.021.919</b>	<b>563.585.940</b>

**9. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly	383.401.573	-
Công ty TNHH MTV Xi măng Elecem	-	-
<b>Cộng</b>	<b>383.401.573</b>	<b>-</b>

**10. LÃI CƠ BẢN/ LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(3.137.058.563)	(2.517.728.943)
Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(3.137.058.563)	(2.517.728.943)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.500.000	4.500.000
<b>Lãi cơ bản/ lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>(697)</b>	<b>(559)</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**11. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	11.214.406.299	15.272.930.985
Chi phí nhân công	5.735.078.005	6.756.009.424
Chi phí khấu hao tài sản cố định	478.394.274	301.507.342
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.843.403.309	25.884.162.109
Chi phí khác bằng tiền	830.062.346	1.631.675.113
<b>Cộng</b>	<b><u>37.101.344.233</u></b>	<b><u>49.846.284.973</u></b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Công ty ký kết hợp đồng thuê đất số 98/HĐTD ngày 18/08/2017 tại xã H'Bông, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai với mục đích sử dụng đất làm nhà kho chứa vật liệu nổ xây dựng. Thời gian thuê đất đến ngày 11/11/2018. Tổng diện tích khu đất thuê là 20.000 m2. Đến hiện tại, hợp đồng thuê đất đã hết hạn, tuy nhiên do chưa hoàn thành thủ tục đóng cửa mở nên Công ty vẫn phải nộp tiền thuê đất hàng năm.

**2. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Danh sách các bên liên quan:*

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Icapital	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Ông Trần Anh Minh	Cổ đông lớn
Bà Trịnh Thị Thúy	Cổ đông lớn
Ông Trần Hạnh Nguyên	Cổ đông lớn
Ông Trần Quang Huy	Cổ đông lớn
Bà Trần Thị Kim Thoa	Cổ đông lớn
Bà Trần Thị Len	Chủ tịch HĐQT
Ông Bùi Xuân Hải	Tổng Giám đốc
Các thành viên khác trong HĐQT và Ban Tổng Giám đốc	

*Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
<b>Trả nợ gốc vay</b>	<b>2.664.000.000</b>	<b>2.600.000.000</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Icapital	700.000.000	1.200.000.000
Bà Trần Thị Kim Thoa	1.964.000.000	1.400.000.000
<b>Chi phí lãi vay</b>	<b>3.807.268.615</b>	<b>3.999.819.864</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Icapital	237.625.000	336.450.000
Bà Trần Thị Kim Thoa	3.569.643.615	3.663.369.864

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP KHÁC)**

**2. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Chi phí phải trả ngắn hạn</b>	<b>14.085.699.427</b>	<b>11.278.430.812</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Icapital	5.381.511.286	5.443.886.286
Bà Trần Thị Kim Thoa	8.605.438.141	5.735.794.526
Bà Đặng Thị Đoan Trang	98.750.000	98.750.000
<b>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</b>	<b>40.436.000.000</b>	<b>43.100.000.000</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Icapital	2.300.000.000	3.000.000.000
Bà Trần Thị Kim Thoa	38.136.000.000	40.100.000.000

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Bà Trần Thị Len	36.000.000	36.000.000
Bà Phạm Thị Thu Hà	11.000.000	36.000.000
Ông Bùi Xuân Hải	382.949.235	389.795.193
Bà Võ Thị Hà Giang	36.000.000	36.000.000
Bà Đặng Thị Đoan Trang	25.000.000	-
Bà Mai Ngọc Liên	24.372.908	30.534.815
Ông Nguyễn Lê Trung Phi	12.000.000	12.000.000
Ông Phạm Văn Giang	12.000.000	12.000.000
<b>Cộng</b>	<b>539.322.143</b>	<b>552.330.008</b>

**3. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Số tiền đi vay thực thu trong năm: **0 đồng**  
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường: **0 đồng**

Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm: **2.664.000.000 đồng**  
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường: **2.664.000.000 đồng**

**4. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Mai Ngọc Liên  
Người lập biểu

Mai Trung Kiên  
Kế toán trưởng



Bùi Xuân Hải  
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 03 năm 2024